

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Ông Triệu Ngọc Vạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Loan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Thế M, sinh năm 1994; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995; Có mặt.

HKTT: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Trú tại: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – anh Bùi Thế M trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/3/2016. Sau khi kết hôn vợ sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Y quan hệ ngoài hôn nhân với người đàn ông khác và nhiều lần chuyển tiền cho người đàn ông này. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn V, xã H, huyện N sinh sống từ tháng 02/2022 đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ ngày chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ đến nay không ai quan tâm gì đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Y.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Y có hai con chung là Bùi Thế D, sinh ngày 09/11/2016 và Bùi Thế T, sinh ngày 09/01/2018. Hiện con Bùi Thế D đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng, con Bùi Thế T đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Ly hôn, anh đề nghị giao con Bùi Thế D cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên) và giao con Bùi Thế T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị Y: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập chị Y đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên toà song chị chỉ có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thể hiện quan điểm chị chỉ đồng ý ly hôn khi chị và anh M thoả thuận về việc anh M quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng và có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho bố mẹ chị nhưng không ký vào biên bản và không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng khi ly hôn.

Về quan hệ con chung: Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị xác định chị và anh M có hai con chung như anh M trình bày là đúng. Hiện con chung Bùi Thế D đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng; con chung Bùi Thế T đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị nhất trí với quan điểm của anh M về việc giao con chung là Bùi Thế D cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên) và giao con chung là Bùi Thế T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng chị không ký vào biên bản.

Về quan hệ tài sản chung: Chị xác định tự thoả thuận với anh M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương xã H cung cấp: Anh Bùi Thế M và chị Nguyễn Thị Y kết hôn với nhau hợp pháp vào ngày 16/3/2016, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị Y có quan hệ ngoài hôn nhân với người đàn ông khác. Từ tháng 02/2022 chị Y đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn V, xã H, huyện N sinh sống. Nay anh M khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho anh M ly hôn chị Y. Vợ chồng anh M, chị Y có hai con chung là Bùi Thế D, sinh ngày 09/11/2016 và Bùi Thế T, sinh ngày 09/01/2018. Hiện nay con chung Bùi Thế D đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Bùi Thế T đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Y làm công nhân tại công ty Hải Anh thu nhập khoảng 6- 7 triệu đồng/tháng còn anh M đang làm than ở tỉnh Quảng Ninh thu nhập cụ thể địa phương không nắm được. Đề nghị Tòa án giao con chung là Bùi Thế D cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Bùi Thế T cho chị Y nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của con chung.

Tại phiên Tòa: Anh Bùi Thế M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Y; giao con chung Bùi Thế D, sinh ngày 09/11/2016 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Bùi Thế T, sinh ngày 09/01/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con. Chị Y không đồng ý ly hôn anh M; Chị nhất trí giao con chung là Bùi Thế D, sinh ngày 09/11/2016 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Bùi

Thế T, sinh ngày 09/01/2018 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thế M đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho anh Bùi Thế M ly hôn chị Nguyễn Thị Y; giao con chung Bùi Thế D, sinh ngày 09/11/2016 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Bùi Thế T, sinh ngày 09/01/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con; anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Bùi Thế M và chị Nguyễn Thị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H, huyện N nơi sinh sống của anh M, chị Y tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa anh M và chị Y là hợp pháp.

[2] Anh M khởi kiện xin ly hôn, chị Y biết rõ việc anh M khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng chị chỉ có mặt trình bày ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ký vào biên bản. Chị xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng chỉ đồng ý ly hôn theo thỏa thuận giữa chị và anh M về việc vợ chồng còn nợ tiền bố mẹ chồng, vợ; anh M quản lý sử dụng toàn bộ tài sản chung vợ chồng (đất + nhà) và có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho bố mẹ anh M cũng như thanh toán trả nợ cho bố mẹ chị. Tuy nhiên, chị không đến làm việc, không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng nên yêu cầu này chị có thể khởi kiện ở vụ án chia tài sản chung sau ly hôn nếu chị có yêu cầu. HĐXX thấy rằng, lời trình bày của chị Y tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa; Biên bản xác minh ngày 22/6/2022 cũng như toàn bộ bản chụp nhắn tin zalo của điện thoại chị Y đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Y có quan hệ ngoài hôn nhân với người đàn ông khác. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, chị Y đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của anh M. Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh M ly hôn chị Y.

[4] *Về quan hệ con chung:* Anh M và chị Y có hai con chung Bùi Thế D, sinh ngày 09/11/2016 và Bùi Thế T, sinh ngày 09/01/2018, hiện con chung Bùi Thế D đang do anh M trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Bùi Thế T đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M, chị Y đều thống nhất thỏa thuận về việc giao con chung Bùi Thế D cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Bùi Thế T cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con. Căn cứ vào quy định

của pháp luật, biên bản xác minh ngày 13/4/2022 và nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX công nhận sự thỏa thuận của đương sự giao con chung là Bùi Tiến Dũng cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Bùi Tiến Thành cho chị Y nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Anh Bùi Thế M khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Bùi Thế M ly hôn chị Nguyễn Thị Y.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cho anh Bùi Thế M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thế D, sinh ngày 09/11/2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên), giao cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Bùi Thế T, sinh ngày 09/01/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi (thành niên). Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Bùi Thế M và chị Nguyễn Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Bùi Thế M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000125, ngày 24 tháng 5 năm 2022.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/8/2022).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã H, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long